

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10 – 01 – 2023

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình – Ly hôn, yêu cầu nuôi con  
chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Ngoan.

*Các Hội Thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thoi
2. Bà Lê Thị Mỹ Linh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tiên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2022/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2022/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim B, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Thuận Hoà, huyện LM, tỉnh HG.

*2. Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã Thuận Hoà, huyện LM, tỉnh HG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim B (gọi tắt là bà Kim B) trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2010 bà Kim B và ông Trần Văn H (gọi tắt là ông

H) tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Hoà, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, hôn nhân của ông bà là tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Ông bà đã ly thân nhau từ tháng 05/2022. Vì vậy, nay bà Kim B yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà Kim B khai vợ chồng bà có 02 con chung, tên Trần Đăng K (giới tính: nam) sinh năm 2011 và Trần Đăng D (giới tính: nam) sinh năm 2012. Khi ly hôn do con chung đã lớn nên bà Kim B tùy theo nguyện vọng của con, theo ai người đó nuôi. Nếu con chung có nguyện vọng theo bà Kim B thì bà đồng ý nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Kim B khai không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn H đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim B và Tòa án đã triệu tập họp lệ ông H để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn ông Trần Văn H.

Tại phiên tòa, bà Kim B có đơn cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim B khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông Trần Văn H, nếu con chung có nguyện vọng theo bà Kim B thì bà đồng ý nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, yêu cầu nuôi con chung”. Bị đơn ông Trần Văn H có địa

chỉ cư trú tại ấp 3, xã Thuận Hoà, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với tất cả các đương sự trong vụ án nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Kim Ba, hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Năm 2010 bà Kim và ông H có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông bà là phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Kim B kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông H, điều đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ông bà không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, nên ông bà không thể tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Kim B đối với ông H.

[2.2]. Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Trần Đăng K và Trần Đăng D, cháu K hiện đang sống chung với cha là ông H và có nguyện vọng tiếp tục sống chung với cha, cháu D hiện đang sống chung với mẹ là bà Kim B và có nguyện vọng sống chung với mẹ là bà Kim B. Do đó, căn cứ theo nguyện vọng của cháu K và cháu D cũng như để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý và ổn định cuộc sống của con chung nên hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Trần Đăng K cho ông Trần Văn H tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Trần Đăng D cho bà Kim B được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Bà Trần Thị Kim B và ông Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng: Do bà Kim B và ông H chưa yêu cầu nên hội đồng xét xử chưa xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung: Bà Kim B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5]. Về nợ chung: Bà Kim B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà Kim Ba phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim B đối với bị đơn ông Trần Văn H. Cho bà Nguyễn Thị Kim B được ly hôn với ông Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Đăng D (giới tính: nam) sinh năm 2012 cho bà Nguyễn Thị Kim B được tiếp tục nuôi dưỡng; Giao cháu Trần Đăng K (giới tính: nam) sinh năm 2011 cho ông Trần Văn H tiếp tục nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Nguyễn Thị Kim B và ông Trần Văn H không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Kim B và ông Trần Văn H chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chưa xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim B không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim B không yêu cầu, nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim B phải nộp án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006566 phiếu lập ngày 20/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

6. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- UBND xã Thuận Hoà;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Ngoan**